

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ XYZ
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 / 9 / 2021

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ XYZ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Hoa Hương;
- Ông Lê Thanh Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố XYZ, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố XYZ, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố XYZ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thùy TK, sinh năm 2000, địa chỉ: Số 3xx, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Đức YK, sinh năm 1996, địa chỉ: Số 4xx, phường Y, thành phố XYZ, tỉnh An Giang.

Bà TK vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông YK đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thùy TK trình bày: Bà và ông Võ Đức YK tự quen biết và yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi vào năm 2018, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019, trong lúc bà mang thai, ông YK có quan hệ với người phụ nữ

khác dưới 16 tuổi nên ông YK bị Công an thành phố XYZ khởi tố và bị Tòa án nhân dân thành phố XYZ xử phạt 02 năm tù giam. Sau khi ông YK bị bắt, bà trở về sống chung với mẹ đẻ tại huyện C và sinh cháu Trần Ngọc Tường Us. Cuối năm 2020, ông YK mãn hạn tù trở về với gia đình nhưng cũng không đến thăm nom cũng như phụ giúp tài chính về việc sinh nở của bà, mọi chi phí nuôi con đều do bà tự lo. Do những vấn đề nêu trên, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông YK.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Trần Ngọc Tường Us, sinh ngày 20/3/2019, không yêu cầu ông YK cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã thụ lý vụ án và ban hành các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Đức YK, nhưng ông YK không có ý kiến và đều vắng mặt.

- Do bà TK và ông YK chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nên Tòa án không hòa giải về hôn nhân. Về con chung, bà TK xác định có 01 con chung tên Trần Ngọc Tường Us, sinh ngày 20/3/2019; Bà TK yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông YK cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 2 lần nhưng vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là bảo đảm theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, bà TK, ông YK chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà TK và ông YK là vợ chồng.

Đối với con chung: Trần Ngọc Tường Us, sinh ngày 20/3/2019 hiện do bà TK nuôi dưỡng. Bà TK có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dạy và công nhận sự

tự nguyện của bà TK không yêu cầu ông YK cấp dưỡng nuôi dạy con chung, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố XYZ. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố XYZ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thùy TK có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông YK đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà TK, ông YK chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà Trần Thùy TK và ông Võ Đức YK là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà TK xác định có 01 con chung tên Trần Ngọc Tường Us, sinh ngày 20/3/2019. Bà TK yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông YK cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Xét cháu Us đã được bà TK chăm sóc từ khi sinh đến nay, để đảm bảo sự ổn định và hiện tại cháu Us dưới 36 tháng tuổi, nên chấp nhận giao cháu Us cho bà TK nuôi dạy đến trưởng thành và có khả năng lao động, ông YK không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thùy TK phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà TK đã nộp. Do đó bà TK không phải nộp thêm án phí.

Ông Võ Đức YK không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử: Không công nhận bà Trần Thùy TK và ông Võ Đức YK là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Trần Thùy TK được quyền nuôi dạy cháu Trần Ngọc Tường Us, sinh ngày 20/3/2019 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, ông YK không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thùy TK cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Võ Đức YK trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về án phí: Bà Trần Thùy TK phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2019/0004300 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố XYZ; bà TK đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Đức YK không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà TK có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Võ Đức YK là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Xyz (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS Xyz (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Lư Thị Châu Ngọc